

Bản án số: 99/2019/HS-ST.

Ngày: 01 - 11 - 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Thu Vân.

Bà Nguyễn Mộng Cầm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 106/2019/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Đỗ Thanh H, sinh năm 1973 tại Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Số nhà 15, đường P, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Nhân viên giao hàng hóa; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Thành C và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Nguyễn Ngọc H và 02 người con; tiền án 01 lần năm 2017, về hành vi đánh bạc, tiền sự: Không có; nhân thân: Có tiền án chưa được xóa án tích; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/8/2019 đến nay, bị cáo có mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1969, nơi cư trú: Số nhà 93, ấp T, xã N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/3/2017, Đỗ Thanh H bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thời gian thử thách là 04 năm. Trong thời gian thử thách, H ký Hợp đồng lao động làm việc cho Công ty TNHH một thành viên thương mại bia S có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh, H được Công ty phân công làm nhân viên đại diện thuộc Phòng bán hàng điều vận làm việc tại nhà máy bia S-Chi nhánh V, địa chỉ ấp T, xã N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, nhiệm vụ của H là nhận bia từ nhà máy giao cho các chi nhánh ở các tỉnh thành theo lệnh của Công ty bia S. Đến khoảng tháng 02 năm 2019, Đỗ Thanh H không có tiền để trả nợ nên có ý định lừa đảo người khác để chiếm đoạt tiền, H đã nói dối với ông Nguyễn Minh H là chủ đại lý bia và nước giải khát, cư trú tại số nhà 93, ấp T, xã N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long là “Nhà máy có chế độ bán bia giá rẻ cho nhân viên nhà máy, nếu ông H có nhu cầu mua bia thì H sẽ bán lại với giá 214.000 đồng/thùng, rẻ hơn giá thị trường 2.000 đồng/thùng”. Ông H thấy H có làm việc tại nhà máy bia S nên tin lời của H và đồng ý mua bia của H. Từ tháng 02 năm 2019 đến ngày 01 tháng 06 năm 2019 ông H đã đặt mua bia của H 03 lần, cách thức mua bán là hai bên trao đổi qua điện thoại, ông H sẽ đến nhà máy bia nhận bia rồi trả tiền trực tiếp hoặc chuyển khoản cho H. Nhằm củng cố lòng tin đối với ông H, trong 03 lần giao dịch nêu trên H đã mua lại bia của Chi nhánh K tại thành phố S, tỉnh Đồng Tháp với giá 216.000 đồng/thùng, sau đó bán lại cho ông H 214.000 đồng/thùng, H chịu lỗ 2.000đồng/thùng. Ngoài mục đích củng cố lòng tin của ông H, H còn mục đích là chiếm dụng vốn của Chi nhánh K, khi bán bia cho ông H để xoay vòng trả nợ trước sau đó H sẽ trả tiền lại cho Chi nhánh K.

Đến ngày 01/6/2019, H quyết định thực hiện ý định chiếm đoạt tiền của ông H, H điện thoại cho ông H và nói “có 500 thùng bia, giá mỗi thùng là 214.000 đồng có mua không”, ông H trả lời đồng ý mua với giá 213.000 đồng/thùng thì H cũng đồng ý bán, H yêu cầu ông H trả tiền bia trước tổng số tiền là 106.500.000 đồng và hẹn ngày 02/6/2019 giao bia, ông H đồng ý và hẹn H đến nhà tại số nhà 93, ấp T, xã N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long và giao đủ số tiền nói trên cho H, khi lấy được tiền, H không mua bia giao cho ông H mà chiếm đoạt số tiền nêu trên để trả nợ, tiêu xài cá nhân và đánh bạc trên mạng Internet thua hết. Sau đó, ông H nhiều lần yêu cầu H giao trả số tiền H không thực hiện, biết bị lừa nên ngày 12/6/2019 ông H buộc H viết biên nhận nợ và hẹn đến ngày 20/6/2019 sẽ trả lại tiền nhưng H không trả, nên ngày 20/6/2019 ông H đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V tố cáo hành vi của H. Quá trình điều tra H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Trong thời gian điều tra H đã khắc phục hậu quả trả lại toàn bộ số tiền cho ông H, ông H không còn yêu cầu gì đối với H.

Về hành vi đánh bạc trên mạng Internet, Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục điều tra làm rõ sẽ xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số: 109/CT-VKSNDTPV ngày 07/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, truy tố bị cáo Đỗ Thanh H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Sau khi bị cáo nghe Kiểm sát viên đọc xong Cáo trạng bị cáo không có ý kiến gì và đồng ý với nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố đối với bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Bị hại là ông H xin vắng mặt tại phiên tòa, tại đơn xin vắng mặt ông H có nêu ý kiến, là bị cáo đã bồi hoàn xong, nên không còn yêu cầu gì đối với bị cáo và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Sau khi nghe lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo Cáo trạng số: 109/CT-VKSNDTPV ngày 07/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Đỗ Thanh H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Khi luận tội xong, Kiểm sát viên đề nghị phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù theo tội danh, điều luật mà Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, về phần dân sự Kiểm sát viên đề nghị không xem xét vì bị hại không còn yêu cầu đối với bị cáo. Đồng thời đề nghị áp dụng Điều 55 và khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo vì bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách.

Bị cáo không có ý kiến tham gia tranh luận.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: “*Bị cáo đã nhận thức được hành vi của bị cáo là sai trái, bị cáo rất ăn năn, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo*”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Tại khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự có quy định: “2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm*”:

“c) *Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*”. Bị cáo H có hành vi gian dối làm cho bị hại tin là thật với những điều là không có thật, bị cáo dùng lời lẽ nói dối ông H là bị cáo được nhà máy bán bia cho nhân viên giá rẻ, nhưng thật chất không có điều này, mà bị cáo mua bia chỗ khác để

bán lại cho ông H chấp nhận bán giá lỗ, bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại với số tiền 106.500.000 đồng, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo, lời nhận tội của bị cáo đã phù hợp với các chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại,. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Đỗ Thanh H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị cáo cố ý xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo dùng lời lẽ gian dối làm cho bị hại tin tưởng để chiếm đoạt tài sản của bị hại, tài sản mà bị cáo xâm hại có giá trị được xác định là 106.500.000 đồng. Ý thức của bị cáo biết rõ hành vi nêu trên là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo cố tình thực hiện làm cho hậu quả xảy ra, bị cáo có đủ năng lực về nhận thức cũng như điều khiển hành vi của bị cáo, nên bị cáo phải chịu hình phạt do hành vi của bị cáo đã gây ra. Xét thấy, hành vi của bị cáo cần phải xử phạt nghiêm, nhằm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội và góp phần ổn định tình hình chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật Hình sự, để cho bị cáo có thời gian học tập, cải tạo và trở thành người công dân có ích cho xã hội sau này.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã trả lại tiền khắc phục hậu quả cho bị hại xong, nên có căn cứ cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và bị cáo có cha ruột tham gia Cách mạng được tặng thưởng Huân chương, vợ bị cáo bỏ đi, bị cáo là lao động chính nuôi cha, mẹ quá tuổi lao động và hai người con, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy Kiểm sát viên đề nghị phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù theo tội danh, điều luật mà Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và sẽ xem xét, quyết định áp dụng hình phạt cụ thể cho bị cáo trong phần hình phạt; về việc Kiểm sát viên đề nghị tổng hợp hình phạt; về phân trách nhiệm dân sự và trách nhiệm nộp án phí là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Năm 2017 bị cáo đã bị phạt 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm về hành vi “Đánh bạc”, đến nay chưa hết thời gian thử thách, bị

cáo phạm tội lần này là phạm tội trong thời gian thử thách, nghĩa là phạm tội trong lúc còn đang chấp hành bản án. Vì vậy, áp dụng Điều 55 và khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt đối với bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung như đã nêu trên. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa cho thấy bị cáo đã thất nghiệp khi bị khởi tố, không có thu nhập, không có tài sản nào khác, lại phải có trách nhiệm nuôi cha, mẹ quá tuổi lao động và hai người con. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm bồi thường: Bị cáo đã khắc phục xong phần trách nhiệm dân sự đối với bị hại, bị hại không còn yêu cầu gì đối với bị cáo, nên không phải xem xét.

[7] Về trách nhiệm nộp án phí: Bị cáo còn phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 và khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Đỗ Thanh H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; xử phạt bị cáo Đỗ Thanh H - 02 (hai) năm tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số: 86/2017/HSST ngày 13/3/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; buộc bị cáo Đỗ Thanh H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm nộp án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Đỗ Thanh H phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TP V;
- Công an TP V;
- CC THA DS TP V;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Thanh Hồng

